TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**ĐƯỜNG M XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/DS-PT
Ngày: 04/03/2022
V/v tranh chấp thừa kế,
hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC ĐƯỜNG M XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Huỳnh Thị Như Hà

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Anh Minh

Bà Lê Thị Mỹ Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 01 năm 2022, ngày 21 tháng 01 năm 2022, và ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân Quận P (Nay là Tòa án nhân dân thành phố D) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4309/2021/QĐ-PT ngày 17/11/2021, quyết định hoãn phiên toà số 11660/2021/QĐ-PT ngày 09/12/2021, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 390/2022/QĐPT-DS ngày 07/01/2022, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 1549/2022/QĐPT-DS ngày 21/01/2022 và thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số 1548/TB-TA ngày 18/02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm Tấn A, sinh năm 1960

Địa chỉ thường trú: 48/8 Đường B, phường C, Thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phùng Thanh E, sinh năm 1980; Địa chỉ: số 9 đường G, phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số công chứng 17402 quyển 4 TP/CC-SCC/GUQ lập ngày 24/6/2014 tại Phòng Công chứng số 3). (Có mặt).

Bị đơn: Bà Hồ Thị K, sinh năm 1956

Địa chỉ thường trú: 48 Đường B, phường C, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp:

- Bà Huỳnh Thị Ánh L, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 364 Đường M, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số công chứng 7956/GUQ quyển 02/2014 lập ngày 01/10/2014 tại Văn phòng Công chứng số Quận P). (Xin vắng mặt).

- Ông Phạm Bỉnh Q, sinh năm 1976; Địa chỉ: 88 Đường R, Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số công chứng 002095 quyển 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2021 tại Văn phòng Công chứng T). (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị U, chết 2016.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà U:

+ Ông Lợi Ngọc V, sinh năm 1943

+ Ông Lợi Ngọc X, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: 165 đường Y, phường H, Thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Bùi Thị Ngọc A1, sinh năm 1976. Địa chỉ: 6/10 đường B1, Phường C, Thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V, ông X, bà A1: Bà Bùi Thị C1, sinh năm 1968. Địa chỉ: 166C đường Y, phường H, TP.HCM (Theo giấy ủy quyền số công chứng 001401 lập ngày 29/01/2021 tại Văn phòng công chứng T; Giấy ủy quyền số 2139, 2138 ngày 25/5/2021 lập tại Văn phòng công chứng D1). (Có mặt).

- Bà Lâm Thị E1, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: 254/30 Đường G1, phường H1, Thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lâm Thị I1, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: 48/14 Đường B, phường C, Thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Bùi Thị K1, chết 1973

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K1:

+ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc M1, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Minh N1, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Minh O1, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Minh P1, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Q1, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Phú R1, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 87/233 Đường S1, Phường T1, quận U1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lâm Văn V1, chết năm 2010

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông V1:

+ Bà Lâm Thị X1, sinh năm 1952 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 15E1 Đường Y1, Phường T1, quận U1, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Lâm Thị A2, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 66 Đường B2, phường C2, Quận D2, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Lâm Ngọc E2, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

+ Ông Lâm Công G2, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 67/21 Đường S1, Phường T1, quận U1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đoàn Văn H2; sinh năm 1947 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 28 Đường I2, phường C, Thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Hồ Thanh K2, sinh năm 1983

- Bà Hồ Thị Phương L2, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: 50 Đường B, phường C, Thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông K2, bà L2: Bà Huỳnh Thị Ánh L, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 364 Đường M, Phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số 014619 quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 14/7/2018 tại Văn phòng Công chứng T và giấy ủy quyền số 1525/GUQ quyển số 01/2015 lập ngày 06/02/2015 tại Văn phòng Công chứng Thành phố D). (Xin vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân Thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Mai M2, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 2/304 Đường N2, phường O2, Thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số 552/UBND ngày 24/3/2015 của UBND Thành phố D). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, biên bản làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lâm Tấn A trình bày:

Phần đất có diện tích 3.138m^2, thuộc thửa đất số 295, tờ bản đồ số 7, tài liệu 299 của phường C tại 97/7 tổ 4, ấp P2, Phường C, Quận P hay nhằm thửa 2, 3, 4, 5 và 32 tờ bản đồ 45 – Phường C, Quận P (theo tài liệu đo năm 2003) (Nay là 48/8 Đường B, ấp P2, Phường C), có nguồn gốc đất vợ chồng bà Hồ Thị Q2 và ông Lâm Văn R2 tạo lập từ năm 1962.

Ông R2 mất trước năm 1975. Bà Q2 có ba đời chồng và có tổng cộng các người con, gồm:

1. Bà Bùi Thị U, sinh năm: 1947 (đã chết).

2. Bà Hồ Thị K, sinh năm 1956.

3. Ông Lâm Tấn A, sinh năm 1960.

4. Bà Lâm Thị I1, sinh năm 1961.

5. Bà Lâm Thị E1, sinh năm 1965.

6. Bà Bùi Thị K1- chết năm 1973.

7. Bà Bùi Thị S2 - chết năm 1978 – 1979.

8. Ông Bùi Văn T2 – chết khoảng 1965 – 1966.

9. Ông Bùi Văn U2 – chết khoảng 1965 – 1966.

10. Ông Bùi Văn V2 – chết khoảng năm 1968.

11. Ông Bùi Văn X2 – chết khoảng năm 1969.

12. Ông Bùi Văn Y2 – chết khoảng năm 1969.

Tháng 4 năm 2004, bà Hồ Thị Q2 qua đời. Trước khi mất, bà để lại hai di chúc (di chúc ngày 12/12/1999 và di chúc ngày 18/12/2000) đã định đoạt một phần di sản của bà.

Di chúc ngày 12/12/1999, Bà Q2 chia 3.139 m^2 (Gồm phần đất 2.992m^2 và lối đi chung diện tích 226,7m^2) để lại thừa kế cho 4 người con là bà Hồ Thị K, ông Lâm Tấn A, bà Lâm Thị I1 và bà Lâm Thị E1 mỗi người được 784.75 m^2.

Di chúc ngày 18/12/2000, Bà Q2 để lại thừa kế cho bà K được sở hữu căn nhà tình nghĩa số 48/8 Đường B và khuôn viên đất 400m^2.

Tuy nhiên theo Bản án số 88/2008/DS-ST ngày 08/05/2008 của Tòa án nhân dân Quận P (Nay là thành phố D), Thành phố Hồ Chí Minh quyết định chỉ chia thừa kế trên ½ phần đất 2.992m^2 phần diện tích 1.496m^2 là di sản của Bà Q2, không giải quyết di sản Ông R2 để lại là 1.496m^2.

Với phần đất còn lại không được định đoạt theo di chúc, diện tích là 874,3 m^2 thuộc thửa đất số 513, tờ bản đồ số 45, phường C, Quận P (Nay là thành phố D), Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A đã nhiều lần yêu cầu bà K chia phần đất này cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật. Bà K từ chối phân chia phần đất trên theo quy định pháp luật, nên ông A đã làm đơn khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Trong quá trình giải quyết, bà K đưa chứng cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 566211 do Ủy ban nhân dân Quận P cấp ngày 20/09/2010, diện tích 643,3 m^2, thửa số 513, tờ bản đồ số 45, phường C, Quận P (Nay là thành phố D), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Hồ Thị K.

Ngày 18 tháng 10 năm 2013, ông Lâm Tấn A làm đơn kiện gửi đến Tòa án yêu cầu như sau:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 566211 ngày 20/09/2010 của Ủy ban nhân dân Quận P cấp cho bà Hồ Thị K.

Chia phần đất có diện tích là 874,3 m^2 thuộc thửa đất số 513, tờ bản đồ số 45 của phường C, Quận P, theo di chúc của bà Hồ Thị Q2 để lại.

Tại phiên tòa ông Phùng Thanh E đại diện cho ông Lâm Tấn A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện mà ông A cũng như đại diện theo ủy quyền của ông A đã trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 07/10/2016 và cũng như đã được xác nhận lại tại Đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2017. Cụ thể như sau:

Ông Lâm Tấn A yêu cầu được chia theo hai di chúc ngày 12/12/1999 và ngày 18/12/2000 của bà Hồ Thị Q2. Diện tích yêu cầu chia là 217,5 m^2 của khu 4 theo bản đồ hiện trạng vị trí ngày 26/8/2016 vì đây là một phần di sản của bà

Hồ Thị Q2 để lại mà Bản án dân sự số 88/2008/DS-ST ngày 08/5/2008 của Tòa án nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh chưa giải quyết. Hai di chúc này đã được thừa nhận tại bản án 88/2008/DS-ST ngày 08/5/2008 của Tòa án nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Yêu cầu Tòa án nhân dân Quận P hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 566211 ngày 20/9/2010 do Ủy ban nhân dân Quận P cấp tên bà Hồ Thị K vì đây là phần di sản của bà Hồ Thị Q2 để lại.

Về yêu cầu định giá: Ông Lâm Tấn A không yêu cầu Tòa án định giá lại.

Đại diện cho bị đơn bà Hồ Thị K trình bày:

Về quan hệ nhân thân của bà Hồ Thị K: Thống nhất lời trình bày nhân thân của ông Lâm Tấn A đã trình bày. Bà Hồ Thị K, sinh năm 1956 là con ruột của bà Hồ Thị Q2. Hiện tại trên phần đất đang tranh chấp có căn nhà mang số 50 Đường B, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Thị K đứng tên chủ hộ khẩu, cùng hộ khẩu với bà K còn có hai người con là ông Hồ Thanh K2 và bà Hồ Thị Phương L2.

Bà Hồ Thị K không có chồng, cũng không đăng ký kết hôn với ai.

Nhà và đất 50 Đường B, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 513, tờ bản đồ số 45 là tài sản riêng của bà Hồ Thị K.

Về nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn ông Lâm Tấn A yêu cầu bà Hồ Thị K chia di sản thừa kế là ¼ diện tích đất của 874,3m^2 đất thuộc thửa đất số 513, tờ bản đồ số 45, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 566211 cấp ngày 20/9/2010 mà Ủy ban nhân dân Quận P đã cấp cho bà Hồ Thị K.

Bà Hồ Thị K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các yêu cầu độc lập, bởi các lý do sau:

Phần diện tích đất của 874,3m^2 đất thuộc thửa đất số 513, tờ bản đồ số 45, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh không phải là di sản thừa kế của bà Hồ Thị Q2.

Phần diện tích đất của 874,3m^2 đất thuộc thửa đất số 513, tờ bản đồ số 45, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc quyền sử dụng của bà Hồ Thị K, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 566211 vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH: 00520 do Ủy ban nhân dân Quận P cấp ngày 20/9/2010 có diện tích 643,3m^2. Phần diện tích đất này thuộc quyền sử dụng riêng của bà Hồ Thị K không phải là di sản thừa kế.

Nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích 874,3m^2 (Trong đó diện tích 643,3m^2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất số BC 566211) thửa đất thửa đất số 513, tờ bản đồ số 45 của bà Hồ Thị K:

Trong bản tự khai do ông Phùng Thanh E (đại diện ông A) khai ngày 15/8/2014; Bản tự khai do ông Lâm Tấn A (đại diện cho bà U) khai ngày 18/8/2014; Bản tự khai do bà Lâm Thị E1 khai ngày 18/8/2014; Bản tự khai do bà Lâm Thị I1 khai ngày 28/8/2014, tất cả đều xác định như sau: "Ông R2 mất trước năm 1975, trước ngày luật đất đai 1993 có hiệu lực pháp luật 15/10/1993, nên Bà Q2 là người duy nhất sử dụng đất hợp pháp đối với toàn bộ khu đất nói trên".

Thửa đất này của bà Hồ Thị Q2 sử dụng từ năm 1962, đến năm 1977 bà Hồ Thị Q2 cho bà Hồ Thị K xây dựng nhà lá để ở. Năm 1988 bà Hồ Thị K sửa chữa lại nhà lá lớn hơn, đến năm 2002 bà Hồ Thị K xây dựng nhà kiên cố, xây tường rào bao quanh như ngày nay và sử dụng ổn định đến nay. Lúc này bà Hồ Thị Q2 còn sống nhưng bà Hồ Thị Q2 không có ý kiến gì, cũng không ngăn cản, phản đối bà Hồ Thị K. Bởi vì phần đất này bà Hồ Thị Q2 đã cho bà Hồ Thị K. Lúc này chỉ có bà Hồ Thị Q2 là người duy nhất sử dụng đất hợp pháp toàn bộ khu đất nói trên, nên bà Hồ Thị Q2 có quyền cho ai là quyền của bà Hồ Thị Q2. Bà Hồ Thị Q2 cho bà Hồ Thị K sử dụng phần đất nói trên, đây là ý chí và nguyện vọng của bà Hồ Thị Q2 nên lúc bà Hồ Thị Q2 còn sống bà Hồ Thị Q2 không có bất cứ tranh chấp gì với bà Hồ Thị K. Thời điểm bà Hồ Thị Q2 cho đất bà Hồ Thị K sử dụng, pháp luật cũng không cấm mẹ ruột cho con gái đất bằng miệng.

Nguyên đơn không xác định đây là "Di sản thừa kế của ông Lâm Văn R2" Nhưng nếu nguyên đơn cho rằng đây là di sản thừa kế của ông Lâm Văn R2 thì yêu cầu này cũng không được chấp nhận, vì Ông R2 đã chết từ năm 1972, nay đã hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp thừa kế theo quy định của Bộ luật dân sự 2015.

Sự việc này đã được Tòa án nhân dân Quận P đã thụ lý và giải quyết bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật (Bản án số 88/2008/DS-ST ngày 08/5/2008 về việc tranh chấp thừa kế). Theo đó thì "di sản thừa kế của bà Hồ Thị Q2" đã được phân chia. Hiện nay, di sản thừa kế của bà Hồ Thị Q2 không còn, do đó việc khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn và người liên quan là bà Lâm Thị I1, bà Lâm Thị E1 là không có căn cứ.

Bà Hồ Thị K đề nghị Tòa án nhân dân Quận P căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 192; Điểm e, khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn và đình chỉ giải quyết vụ kiện.

Ông Hồ Thanh K2 và bà Hồ Thị Phương L2 thống nhất với nội dung trình bày của bị đơn là bà Hồ Thị K.

Đại diện bà K đề nghị Tòa án không định giá lại trị giá tài sản tranh chấp.

Bà Bùi Thị U đã rút yêu cầu, nay bà Bùi Thị U đã mất, bên nguyên đơn và phía bị đơn không cung cấp thông tin nhân thân bà Bùi Thị U. Bà K yêu cầu Tòa án bỏ qua thông tin quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị U. Nếu các con và chồng bà Bùi Thị U (nếu có) tranh chấp gì thì sẽ khởi kiện trong một vụ kiện khác.

Ý kiến bà Lâm Thị I1 trình bày:

Bà I1 thống nhất ý kiến ông Phùng Thanh E đại diện cho ông Lâm Tấn A, đề nghị Tòa án không định giá lại trị giá tài sản tranh chấp.

Bà Lâm Thị I1 yêu cầu được chia theo hai di chúc ngày 12/12/1999 và ngày 18/12/2000 của bà Hồ Thị Q2. Diện tích yêu cầu chia là 216 m^2 của khu 1 theo bản đồ hiện trạng vị trí ngày 26/8/2016, vì đây là một phần di sản của bà Hồ Thị Q2 để lại mà Bản án dân sự số 88/2008/DS-ST ngày 08/5/2008 của Tòa án nhân dân Quận P chưa giải quyết. Hai di chúc này đã được thừa nhận tại bản án 88/2008/DS-ST ngày 08/5/2008 của Tòa án nhân dân Quận P.

Yêu cầu Tòa án nhân dân Quận P hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 566211 ngày 20/9/2010 do Ủy ban nhân dân Quận P cấp tên bà Hồ Thị K, vì đây là phần di sản của bà Hồ Thị Q2 để lại.

Ý kiến bà Lâm Thị E1 trình bày:

Bà E1 thống nhất ý kiến ông Phùng Thanh E đại diện cho ông Lâm Tấn A, đề nghị Tòa án không định giá lại trị giá tài sản tranh chấp.

Bà Lâm Thị E1 yêu cầu được chia theo hai di chúc ngày 12/12/1999 và ngày 18/12/2000 của bà Hồ Thị Q2. Diện tích yêu cầu chia là 223,2 m^2 của khu 2 theo bản đồ hiện trạng vị trí ngày 26/8/2016 vì đây là một phần di sản của bà Hồ Thị Q2 để lại mà Bản án dân sự số 88/2008/DS-ST ngày 08/5/2008 của Tòa án nhân dân Quận P (Nay là thành phố D) chưa giải quyết. Hai di chúc này đã được thừa nhận tại bản án 88/2008/DS-ST ngày 08/5/2008 của Tòa án nhân dân Quận P.

Yêu cầu Tòa án nhân dân Quận P hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 566211 ngày 20/9/2010 do Ủy ban nhân dân Quận P cấp tên bà Hồ Thị K, vì đây là phần di sản của bà Hồ Thị Q2 để lại.

Tại phiên tòa đại diện cho bà Hồ Thị K, bà Hồ Thị Phương L2 và ông Hồ Thanh K2 không đồng ý yêu cầu của ông Lâm Tấn A, bà Lâm Thị I1 và bà Lâm Thị E1 nêu trên.

Đại diện theo uỷ quyền của Uỷ ban nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là bà Phạm Mai M2 trình bày: Bà Hồ Thị K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC

566211 vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH: 00520 do Ủy ban nhân dân Quận P cấp ngày 20/9/2010 có diện tích 643,3m^2 (là một phần diện tích đất của 874,3m^2 đất thuộc thửa đất số 513, tờ bản đồ số 45, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh). Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Tấn A, bà Lâm Thị E1 và bà Lâm Thị I1 thì Uỷ ban nhân dân Quận P không có ý kiến.

Bản án sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận P (Nay là Tòa án nhân dân thành phố D), Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lâm Tấn A, bà Lâm Thị E1 và bà Lâm Thị I1.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 566211 ngày 20/9/2010 của Ủy ban nhân dân Quận P cấp cho bà Hồ Thị K, diện tích 643,3 m2, thửa số 513, tờ bản đồ số 45, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Không chấp nhận ông Lâm Tấn A yêu cầu được chia theo hai di chúc ngày 12/12/1999 và ngày 18/12/2000 của bà Hồ Thị Q2. Diện tích yêu cầu chia là 217,5 m^2 của khu 4 theo bản đồ hiện trạng vị trí ngày 26/8/2016 của Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh-Trung tâm đo đạc bản đồ lập.

- Không chấp nhận bà Lâm Thị I1 yêu cầu được chia theo hai di chúc ngày 12/12/1999 và ngày 18/12/2000 của bà Hồ Thị Q2. Diện tích yêu cầu chia là 216 m^2 của khu 1 theo bản đồ hiện trạng vị trí ngày 26/8/2016 của Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh-Trung tâm đo đạc bản đồ lập.

- Không chấp nhận bà Lâm Thị E1 yêu cầu được chia theo hai di chúc ngày 12/12/1999 và ngày 18/12/2000 của bà Hồ Thị Q2. Diện tích yêu cầu chia là 223,2 m^2 của khu 2 theo bản đồ hiện trạng vị trí ngày 26/8/2016 của Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh-Trung tâm đo đạc bản đồ lập.

- Đình chỉ việc khởi kiện chia thừa kế của bà Bùi Thị U.

- Tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp đã áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 94/2016/QĐ-BPKCTT ngày 14/4/2016, số 95/2016/QĐ-BPKCTT ngày 14/4/2016 và số 96/2016/QĐ-BPKCTT ngày 14/4/2016 của Toà án nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đến khi có quyết định khác thay thế hoặc huỷ bỏ.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 17/01/2020, nguyên đơn ông Lâm Tấn A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị I1 và bà Lâm Thị E1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Ngày 20/1/2020, bị đơn bà Hồ Thị K kháng cáo toàn bộ đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Rút kháng cáo đối với nội dung huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 566211 ngày 20/9/2010 của Ủy ban nhân dân Quận P (Nay là thành phố D) cấp cho bà Hồ Thị K và việc duy trì biện pháp áp dụng khẩn cấp tạm thời.

Theo đơn khởi kiện ban đầu nguyên đơn yêu cầu chia phần đất thực tế còn lại là 874,3m^2 thuộc thửa 513, tờ bàn đồ số 45 vì lúc này các con bà Q2 không muốn chia thừa kế cho các con riêng của bà Q2 và ông A3, khi bà U chết và không còn hàng thừa kế nữa nên nguyên đơn thay đổi yêu cầu là chia thừa kế theo hai di chúc ngày 12/12/1999 và ngày 18/12/2000 của bà Hồ Thị Q2. Diện tích yêu cầu chia diện tích đất thực tế còn lại 874,3 m^2 thuộc thửa đất số 513, tờ bản đồ số 45, phường C, Quận P (Nay là thành phố D), Thành phố Hồ Chí Minh; Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 566211 ngày 20/9/2010 của Ủy ban nhân dân Quận P (Nay là thành phố D) cấp cho bà Hồ Thị K.

Đại diện bị đơn trình bày: Rút kháng cáo đối với nội dung án sơ thẩm đã tuyên về không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo hai di chúc ngày 12/12/1999 và ngày 18/12/2000 của ông A, bà I1, bà E1.

Giữ nguyên kháng cáo đối với các nội dung mà án sơ thẩm đã tuyên về:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 566211 ngày 20/9/2010 của Ủy ban nhân dân Quận P cấp cho bà Hồ Thị K, diện tích 643,3 m2;

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời;

Buộc bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do bị đơn là người trên 60 tuổi;

Xem xét lại phần nhận định của bản án sơ thẩm về việc xác định còn thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu chia di sản của ông Lâm Văn R2;

Đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà I1 và bà E1 yêu cầu chia thừa kế theo hai di chúc ngày 12/12/1999 và ngày 18/12/2000 của bà Hồ Thị Q2. Diện tích yêu cầu chia diện tích đất thực tế còn lại 874,3 m^2 thuộc thửa đất số 513, tờ bản đồ số 45, phường C, Quận P (Nay là thành phố D), Thành phố Hồ Chí Minh bà yêu cầu được chia là 216m^2.

Người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà U trình bày: Không có ý kiến gì đối với tranh chấp này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo: Xét nguyên đơn ông A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà I1, bà E1 yêu cầu chia thừa kế đối với hai di chúc ngày 12/12/1999 và ngày 18/12/2000 của Bà Q2 đối với phần đất thực tế còn lại; xét thấy yêu cầu kháng cáo của đương sự là không có căn cứ để xác định phần đất trên là của Bà Q2.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 566211 ngày 20/9/2010 của Ủy ban nhân dân Quận P (Nay là thành phố D) cấp cho bà Hồ Thị K, diện tích 643,3 m^2 bà K kháng cáo cho rằng phần đất trên là của bà Q2 cho bà K nhưng không được các ông A, bà I1, bà E1 thừa nhận; phần đất có diện tích này là thực phần di sản của ông R2 chưa chia, nên cấp sơ thẩm tuyên huỷ giấy chứng nhận cấp cho bà K là có căn cứ.

Viện kiểm sát đề nghị:

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về án phí;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông A, bị đơn bà K và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà I1, bà E1, giữ nguyên nội dung án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà I1 và bà E1 nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp đầy đủ và đúng quy định.

[3] Về người tham gia tố tụng:

Ông R2 có vợ đầu là bà Đoàn Thị B3 (chết năm 1970) có các con chung là Lâm Văn V1, Đoàn Văn H2, Lâm Thị C3. Bà Lâm Thị C3 chết (Chồng chết, con Võ Tài D3). Trong quá trình thụ lý án phúc thẩm ông Võ Tài D3 chết. Xét cấp sơ thẩm xác định ông Võ Tài D3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không chính xác. Cần xác định bà Lâm Thị C3 (Đã chết) là người có quyền, nghĩa vụ liên quan; do chồng bà C3 đã chết thì con bà C3 (Ông Võ Tài D3) là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị C3, nên khi ông D3 chết sẽ không phải đi xác định người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông D3 nữa. Do đó cấp phúc thẩm tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục chung.

[4] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà I1, bà E1:

Xét: Trước đây bà Hồ Thị K có đơn khởi kiện ông Lâm Tấn A tranh chấp di sản thừa kế theo hai di chúc ngày 12/12/1999 và di chúc ngày 18/12/2000. Di chúc ngày 28/12/2000 đã cho bà K hưởng căn nhà 48/8 Đường B, Phường C, Quận P (Nay là thành phố D), nên phần đất để chia cho bà K, bà I1, bà E1 và ông A theo di chúc ngày 12/12/1999 chỉ có hiệu lực pháp luật đối với nội dung chia 1.096m^2.

Ông A tranh chấp phần đất là tài sản của ông R2, bà Q2 nên các con riêng của ông R2 cũng phải được hưởng thừa kế của ông R2. Tuy nhiên, bà K, bà I1, bà E1 không đồng ý cho con riêng của ông R2 hưởng thừa kế và chỉ thừa nhận đất của bà Q2 nên không thể áp dụng Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 để chia tài sản chung là 2992/2 = 1.496 m^2 do ông R2 để lại và tại thời điểm này chưa có quy định và hướng dẫn giải quyết di sản đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, Toà án chỉ giải quyết yêu cầu chia thừa kế 1.496 m^2 đất do bà Q2 để lại.

Như vậy hai di chúc ngày 12/12/1999 và di chúc ngày 18/12/2000 đã được xem xét và giải quyết theo bản án dân sự sơ thẩm số 88/2008/DS-ST ngày 08/5/2008 và đã thực hiện xong việc chia di sản của bà Q2; phần di sản của ông

R2 được xác định là hết thời hiệu khởi kiện thừa kế. Bản án đã có hiệu lực pháp luật, không có kháng cáo kháng nghị.

Nay ông A, bà I1, bà E1 tiếp tục yêu cầu chia thừa kế đối với hai di chúc của hai di chúc của bà Q2 trên phần diện tích đất thực tế còn lại là không có cơ sở. Do đó giữ nguyên nội dung này của án sơ thẩm đã tuyên.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 566211 ngày 20/9/2010 của Uỷ ban nhân dân Quận P cấp cho bà Hồ Thị K, diện tích 643,3 m^2, thửa số 513, tờ bản đồ số 45, phường C Quận P và việc duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời án sơ thẩm đã nhận định.

Do ông R2 đã chết vào năm 1972; Do đó, căn cứ Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của Pháp luật thừa kế: "Về di sản thì Điều 4 của Pháp lệnh quy định: Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác, quyền về tài sản cho người chết để lại. Tài sản gồm có tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, các thu nhập hợp pháp khác".

"...Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, quyền sử dụng đất được giao không phải là quyền sở hữu về tài sản của công dân nên không thể trở thành di sản khi công dân chết. Các tranh chấp về di sản có liên quan đến quyền sử dụng đất được giải quyết theo quy định của Luật đất đai năm 1987 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai...."

Do vậy phần đất này không còn được xác định là di sản thừa kế.

Căn cứ Luật đất đai năm 1987: "Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước thống nhất quản lý. Nhà nước giao đất cho nông trường lâm trường, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, xí nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và cá nhân-dưới đây gọi là người sử dụng đất-để sử dụng ổn định, lâu dài".

Nhà nước còn giao đất để sử dụng có thời hạn hoặc tạm thời.

Người đang sử dụng đất đai hợp pháp được tiếp tục sử dụng theo quy định của Luật này.

Xét cấp sơ thẩm căn cứ công văn 83/CV-UB ngày 23/7/2003 gửi cho bà Hồ Thị Q2, Hồ Thị K, ông Lâm Tấn A, bà Lâm Thị I1, bà Lâm Thị E1 về việc trả lời đơn yêu cầu giải quyết. Xét công văn này trả lời trước khi án 88/2008/DS-ST ngày 08/5/2008 xét xử, bản án này đã có hiệu lực; Đồng thời cho rằng diện tích đất 643,3 m^2 thửa số 513 tờ bản đồ số 45, phường C, Quận P

(Nay là thành phố D) Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong diện tích 1.496m^2 là phần di sản của ông R2 để lại còn thời hiệu khởi kiện là không chính xác, bởi lẽ:

Công văn 83/CV-UB ngày 23/7/2003 trả lời nội dung liên quan đến phần đất 3.138m^2, thuộc thửa 295 của bà Q2, ông R2. Do ông A không đồng ý theo nội dung di chúc của bà Q2. Đến năm 2004 bà Q2 mất, năm 2005 bà K khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo di chúc bà Q2 và đã được xét xử bằng ản án 88/2008, án đã có hiệu lực.

Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích 874,3 m^2 (Trong đó diện tích 643,3m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 566211 ngày 20/9/2010 của Uỷ ban nhân dân Quận P (Nay là thành phố D) cấp cho bà K:

Các đương sự xác định ông R2 mất trước năm 1975, trước ngày luật đất đai năm 1993 có hiệu lực pháp luật năm 1993, nên bà Q2 là người duy nhất sử dụng đất hợp pháp đối với toàn bộ khu đất nói trên.

Thửa đất này của bà Q2 sử dụng từ năm 1962, năm 1977 bà Q2 cho bà K xây dựng nhà lá để ở. Năm 1988 bà K sửa chữa nhà lá lớn hơn, đến năm 2002 bà bà K xây dựng nhà kiên cố, xây tường rào bao quanh như ngày nay và sử dụng ổn định đến nay.

Theo công văn số 75/UBND ngày 05/12/2007 trả lời cho Toà án thì căn nhà 50 ấp P2 do bà K xây cất mẹ cho.

Do đó việc Uỷ ban nhân dân Quận P (Nay là thành phố D) cấp giấy cho bà K là đúng quy định pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đối với các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; xét yêu cầu của kháng cáo của bà K được chấp nhận về việc được cấp 643,3m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 566211 ngày 20/9/2010 của Uỷ ban nhân dân Quận P (Nay là thành phố D) nên huỷ bỏ các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp đã áp dụng tại các Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 94/2016/QĐ-BPKCTT ngày 14/4/2016, số 95/2016/QĐ-BPKCTT ngày 14/4/2016 và số 96/2016/QĐ-BPKCTT ngày 14/4/2016 của Toà án nhân dân Quận P (Nay là Thành phố D) và huỷ bỏ các biện pháp đảm bảo số 90/2016/QĐ-BPBĐ ngày 13/4/2016, ông Lâm Tấn A được nhận lại số tiền 9.310.500 đồng, huỷ bỏ biện pháp đảm bảo số 91/2016/QĐ-BPBĐ ngày 13/4/2016, bà Lâm Thị I1 được nhận lại số tiền 7.794.000 đồng, huỷ bỏ biện pháp đảm bảo số 92/2016/QĐ-BPBĐ ngày

13/4/2016, bà Lâm Thị E1 được nhận lại số tiền 5.337.000 đồng đều được gửi vào tài khoản phong toả tại Ngân hàng E3 Việt Nam-chi nhánh Quận P (Nay là Thành phố D).

Án phí dân sự sơ thẩm: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì ông A, bà I1, bà E1 chưa đủ 60 tuổi và không có đơn xin miễn giảm án phí nên về án phí đối với các ông bà trên vẫn giữ nguyên.

Đối với yêu cầu huỷ giấy chứng nhận của ông A, bà E1, bà I1 không được chấp nhận: Căn cứ Điều 6 Thông V1 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2014 thì đương sự không phải nộp án phí và chịu án phí đối với yêu cầu huỷ quyết định cá biệt.

Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận;

Nguyên đơn ông Lâm Tấn A, bị đơn bà Hồ Thị K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị I1, là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Lâm Thị E1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 , điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 226, Đều 227, Điều 272, Điều 273, và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 634, Điều 645, Điều 646 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 1987;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ Thông V1 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2014;

Căn cứ Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật số 39/2009/QH12 của Quốc Hội Luật người cao tuổi;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm Tấn A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị I1, bà Lâm Thị E1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận P (Nay là Toà án nhân dân Thành phố D).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Tấn A về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 566211 ngày 20/9/2010 của Ủy ban nhân dân Quận P cấp cho bà Hồ Thị K, diện tích 643,3 m2, thửa số 513, tờ bản đồ số 45, phường C, Quận P (Nay là Thành phố D).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Tấn A chia hai di chúc ngày 12/12/1999 và ngày 18/12/2000 của bà Hồ Thị Q2. Diện tích yêu cầu chia là 217,5m^2 của khu 1 theo bản đồ hiện trạng vị trí ngày 26/8/2016 của Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm đo đạc bản đồ lập.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị I1 chia hai di chúc ngày 12/12/1999 và ngày 18/12/2000 của bà Hồ Thị Q2. Diện tích yêu cầu chia là 216m^2 của khu 4 theo bản đồ hiện trạng vị trí ngày 26/8/2016 của Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh-Trung tâm đo đạc bản đồ lập.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị E1 chia hai di chúc ngày 12/12/1999 và ngày 18/12/2000 của bà Hồ Thị Q2. Diện tích yêu cầu chia là 223,2m^2 của khu 2 theo bản đồ hiện trạng vị trí ngày 26/8/2016 của Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh-Trung tâm đo đạc bản đồ lập.

Đình chỉ việc khởi kiện chia thừa kế của bà Bùi Thị U.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Tấn A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 92.900.000đ (Chín mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng) được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.464.375đ (Năm triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/05308 ngày 7/7/2014 của Chi cục thi hành án dân sự Quận P (Nay là Thành phố D), ông A còn phải nộp thêm 87.435.625đ (Tám mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Bà Lâm Thị E1 phải nộp án phí 94.496.000đ (Chín mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng) cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.371.150đ (Bốn triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn một trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/06547 ngày 18/5/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Quận P (Nay là Thành phố D), bà E1 còn phải nộp thêm 90.124.850đ (Chín mươi triệu một trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Bà Lâm Thị I1 phải nộp án phí 90.480.000đ (Chín mươi triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.371.150đ (Bốn triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn một trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/06545 ngày 18/5/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Quận P (Nay là Thành phố D), bà E1 còn phải nộp thêm 86.108.850đ (Tám mươi sáu triệu một trăm lẻ tám nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Bà Hồ Thị K không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại số tiền 4.371.150đ (Bốn triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn một trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí do Bà Bùi Thị U đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/06546 ngày 18/5/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Quận P (Nay là Thành phố D) cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà U là ông Lợi Ngọc V, ông Lợi Ngọc X, bà Bùi Thị Ngọc Thuỷ.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông A, bà I1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Lâm Thị I1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0013190 ngày 20/1/2020, hoàn lại cho ông Lâm Tấn A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0013189 ngày 20/01/2020, của Chi cục thi hành án dân sự Quận P (Nay là Thành phố D).

Bà Lâm Thị E1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được cần trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2019/0013191 ngày 20/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận P (Nay là Thành phố D).

Bà Hồ Thị K không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho bà Hồ Thị K 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai AA/2019/0013199 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận P (Nay là Thành phố D).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp đã áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 94/2016/QĐ-BPKCTT ngày 14/4/2016, Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 95/2016/QĐ-BPKCTT ngày 14/4/2016 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 96/2016/QĐ-BPKCTT ngày 14/4/2016 của Toà án nhân dân Quận P (Nay là Thành phố D) trong quá trình giải quyết vụ án bị huỷ bỏ.

Huỷ bỏ biện pháp đảm bảo số 90/2016/QĐ-BPBĐ ngày 13/4/2016, ông Lâm Tấn A được nhận lại số tiền 9.310.500đ (Chín triệu ba trăm mười nghìn năm trăm đồng), huỷ bỏ biện pháp đảm bảo số 91/2016/QĐ-BPBĐ ngày 13/4/2016, bà Lâm Thị I1 được nhận lại số tiền 7.794.000đ (Bảy triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng), huỷ bỏ biện pháp đảm bảo số 92/2016/QĐ-BPBĐ ngày 13/4/2016, bà Lâm Thị E1 được nhận lại số tiền 5.337.000đ (Năm triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng) đều được gửi vào tài khoản phong toả tại Ngân hàng E3 Việt Nam-chi nhánh Quận P (Nay là Thành phố D).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Anh Minh **Lê Thị Mỹ Nhung** **Huỳnh Thị Như Hà**